ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Số: 4201 /QĐ-ĐHQGHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/4/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này 06 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Khoa Luật:

1. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
2. Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
3. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;
5. Chuyên ngành Luật kinh tế;
6. Chuyên ngành Luật quốc tế.

Điều 2. Các chương trình đào tạo kể trên áp dụng từ khóa tuyển sinh 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính và Chủ nhiệm Khoa Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, O8.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Luật dân sự và tố tụng dân sự

Mã số: 9380101.04

(Ban hành theo Quyết định số 4201 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  + Tiếng Việt: Luật dân sự và tố tụng dân sự
  + Tiếng Anh: Civil law and Civil procedure law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9380101.04
- Tên ngành đào tạo:
  + Tiếng Việt: Luật
  + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Luật
  + Tiếng Anh: The Degree of Doctor in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ Luật chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự có mục tiêu đào tạo những nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ cao, với kiến thức, kĩ năng và phẩm chất hiện đại, cập nhật, chuyên sâu cả về lí thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học; có khả năng giảng dạy và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; tham gia vào quá trình tư vấn, phản biện, xây dựng, hoàn thiện các chính sách và pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Luật dân sự và tố tụng dân sự phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

a) Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

b) Có đủ sức khỏe để học tập.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần với chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự.

d) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

e) Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/ liên ngành công nhận. Đối với những người có bằng thạc sĩ nhưng chưa hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/ báo cáo khoa học.

f) Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

g) Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;
- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn NCS và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động NCS vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho các hoạt động nghiên cứu của NCS.
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

h) Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được ĐHQGHN phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật.

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Trong trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

i) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Khoa Luật.

k) Hồ sơ tuyển sinh: Đáp ứng đầy đủ hồ sơ tuyển sinh theo yêu cầu.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần

3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành đúng

- Ngành đúng: Luật;
- Chuyên ngành đúng: Luật dân sự và tố tụng dân sự.

3.3.2. Danh mục chuyên ngành phù hợp

- Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật quốc tế, Luật hiến pháp và luật hành chính.

3.3.3. Danh mục chuyên ngành gần

- Pháp luật về quyền con người, Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng, Luật biển và quản lí biển, Luật hợp tác quốc tế và kinh doanh quốc tế.

3.4. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 3 – 5 NCS/năm.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Đóng góp mới cho khoa học pháp lí; góp phần xây dựng, hình thành hoặc hoàn thiện hệ thống lí thuyết và nhận thức, cách tiếp cận chiến lược, giải pháp mới để giải quyết những vấn đề lí luận, thực tiễn đang đặt ra, phù hợp với Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Đánh giá được tổng quan tài liệu nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước về đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; đưa ra những câu hỏi nghiên cứu có ý nghĩa; các giả thuyết khoa học đủ thuyết phục; phương pháp nghiên cứu đủ chắc chắn và phù hợp để công bố những luận điểm khoa học mới đóng góp cho khoa học pháp lí;

- Thể hiện được kiến thức cốt lõi, nền tảng cũng như kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu về đề tài nghiên cứu thuộc Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự; làm chủ các lí thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu; khả năng suy luận, phân tích các vấn đề pháp lí liên quan đến đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực luật dân sự và tố tụng dân sự và đưa ra những giải pháp mang tính sáng tạo, độc đáo;

- Tổng hợp, đưa ra những kết quả nghiên cứu có giá trị đối với lĩnh vực luật học nói chung, luật dân sự và tố tụng dân sự nói riêng, xét cả về lí thuyết khoa học cũng như trong thực tiễn quản lí;

- Công bố được ít nhất 02 bài báo liên quan đến nội dung của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/ Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

- Đáp ứng các yêu cầu về hình thức của một luận án tiến sĩ luật học, các yêu cầu về quy trình phê duyệt đề tài theo Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội và các yêu cầu về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu về kiến thức chuyên môn

- Vận dụng, sáng tạo các tri thức mới về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí và phương pháp giảng dạy đại học để giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế trong giảng dạy và nghiên cứu Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Vận dụng thành thạo hệ thống kiến thức cốt lõi, nền tảng, toàn diện về pháp luật, tổ chức quản lí, thực thi và bảo vệ pháp luật, các nguyên lí, học thuyết chung thuộc ngành đào tạo;

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, phản biện được hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu, các lí thuyết pháp lí hiện đại thuộc lĩnh vực khoa học Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự; hình thành, phát triển các nguyên lí, học thuyết mới của Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Vận dụng kiến thức chung về quản trị, tổ chức cơ sở nghiên cứu và đào tạo thực hành luật trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; có tư duy hệ thống, sáng tạo trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề pháp lí phức tạp phát sinh;

- Sử dụng thành thạo những kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành phục vụ nghiên cứu khoa học pháp lí.

3. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Phân tích, đánh giá, dự báo các vấn đề của khoa học pháp lí cơ bản và chuyên ngành; phát hiện các vấn đề khoa học đang bỏ ngỏ; đề xuất các ý tưởng khoa học mới; thu thập và xử lí dữ liệu, lập luận, viết bài báo khoa học;

- Phân tích, đánh giá, phản biện các công trình, các luận cứ khoa học; nghiên cứu, sáng tạo, phát triển tri thức mới; đưa ra những kết luận khoa học mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Phân tích, tham khảo chọn lọc trên phương diện luật học so sánh lí luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài vào điều kiện của Việt Nam;

- Thích ứng nhanh với mọi môi trường làm việc, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong hoạt động nghiên cứu khoa học; hướng dẫn nghiên cứu khoa học; tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn, các đề tài nghiên cứu khoa học Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự, các đề tài khoa học mang tính liên ngành, đa ngành có liên quan.

4. Yêu cầu về kĩ năng

4.1. Kĩ năng nghề nghiệp

- Vận dụng thành thạo các lí thuyết khoa học trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; sử dụng các phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu nhằm phát hiện và tổng hợp các nhu cầu phát sinh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội để giải quyết những vướng mắc, bất cập trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Sử dụng thành thạo các nguồn văn bản pháp luật cũng như ngoài văn bản pháp luật như án lệ, tập quán, thông lệ, học thuyết pháp lí và luật công bằng trong giải quyết các vấn đề chuyên môn;

- Vận dụng thành thạo việc nghiên cứu so sánh với pháp luật nước ngoài nhằm tìm ra giải pháp cải cách hệ thống pháp luật Việt Nam;

- Mô hình hóa, điển hình hóa các quan hệ xã hội để điều chỉnh bằng pháp luật; phát hiện và tổng hợp các yêu cầu về pháp luật trong lĩnh vực dân sự; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật dân sự và tố tụng dân sự để tìm ra những hạn chế, nguyên nhân, từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật; xây dựng mô hình thi hành pháp luật dân sự và tố tụng dân sự một cách hiệu quả;

- Quản lí, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; phổ biến và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Thành thạo trong đàm phán, tư vấn pháp luật, chính sách cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.2. Kĩ năng bổ trợ

- Thành thạo kĩ năng làm việc nhóm, chia sẻ ý tưởng, thông tin, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo cao, tham gia có hiệu quả vào hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh theo chuyên ngành đào tạo;

- Phát triển kĩ năng nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện khoa học;

- Phát triển kĩ năng tra cứu, chọn lọc thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu;

- Viết và trình bày thành thạo các kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, bài báo quốc tế.

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi về môi trường công việc trong nước và quốc tế;

5. Yêu cầu về phẩm chất

5.1. Trách nhiệm công dân

- Bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội; xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

- Định hướng, dẫn dắt cộng đồng thực hiện trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lí.

5.2. Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một chuyên gia pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp, yêu nghề và đam mê nghiên cứu khoa học;

- Chuyên nghiệp, chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;

- Nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; cầu tiến, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp; tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân.

6. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc có tính hội nhập quốc tế; không ngừng học tập, nghiên cứu để phát triển tri thức;

- Thể hiện vai trò lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; định hướng và dẫn dắt người khác thực hiện việc nghiên cứu, sáng tạo các tri thức, kĩ năng mới trong lĩnh vực chuyên môn;

- Quyết định và xây dựng kế hoạch làm việc, quản lí các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, hình thành ý tưởng mới, quy trình mới trong xây dựng và áp dụng pháp luật;

- Đưa ra những đề xuất, sáng kiến có giá trị ứng dụng, những kết luận mang tính chuyên gia với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

7. Vị trí làm việc của NCS sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Luật chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự, người học có thể sử dụng các kiến thức, kĩ năng, phẩm chất được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Nghiên cứu viên và giảng viên tại các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;

- Nhóm 2: Chuyên gia nghiên cứu luật cao cấp tại cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp;

- Nhóm 3: Chuyên gia phân tích và tư vấn pháp luật tại các doanh nghiệp, văn phòng luật sư, trọng tài, cơ quan Nhà nước;

- Nhóm 4: Cán bộ hoạch định chính sách ở các Bộ, Ban, ngành;

- Nhóm 5: Chuyên gia nghiên cứu, phân tích, tư vấn tại các tổ chức quốc tế.

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

NCS có khả năng tự học tập, nâng cao trình độ; tham gia các chương trình đào tạo sau tiến sĩ về luật dân sự và tố tụng dân sự; tham gia các chương trình trao đổi học giả với các cơ sở đào tạo luật ở nước ngoài.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Người học phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích luỹ: **133 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức: ***40 tín chỉ***
  - + *Khối kiến thức chung:* *4 tín chỉ*
  - + *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:* *36 tín chỉ*
    - Bắt buộc: 16 tín chỉ
    - Tự chọn: 20/39 tín chỉ
- Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: ***18 tín chỉ***
  - + *Các học phần tiến sĩ:* *10 tín chỉ*
    - Bắt buộc: 8 tín chỉ
    - Tự chọn: 2/6 tín chỉ
  - + *Các chuyên đề tiến sĩ:* *6 tín chỉ*
  - + *Tiểu luận tổng quan:* *2 tín chỉ*
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 5: Luận án tiến sĩ: ***75 tín chỉ***

1.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích luỹ: **103 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức: ***10 tín chỉ***
  - + *Bắt buộc:* *8 tín chỉ*
  - + *Tự chọn:* *2/22 tín chỉ*
- Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: ***18 tín chỉ***
  - + *Các học phần tiến sĩ:* *10 tín chỉ*
    - Bắt buộc: 8 tín chỉ
    - Tự chọn: 2/6 tín chỉ
  - + *Các chuyên đề tiến sĩ:* *6 tín chỉ*
  - + *Tiểu luận tổng quan:* *2 tín chỉ*
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: ***75 tín chỉ***

1.3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích luỹ: **93 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: ***18 tín chỉ***
  + *Các học phần tiến sĩ:* *10 tín chỉ*
    - Bắt buộc: 8 tín chỉ
    - Tự chọn: 2/6 tín chỉ
  + *Các chuyên đề tiến sĩ:* *6 tín chỉ*
  + *Tiểu luận tổng quan:* *2 tín chỉ*
- Phần 2: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 4: Luận án tiến sĩ: ***75 tín chỉ***

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I	**Khối kiến thức chung**		**4**				
1	PHI5001	Triết học *Philosophy*	4	60	0	0	
II	**Khối kiến cơ sở và chuyên ngành**		**36**				
II.1	***Các học phần bắt buộc*** *Compulsory Subjects*		***16***				
2	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí *Legal Research Methods*	2	18	6	6	
3	CIL6040	Vật quyền *Real rights*	3	27	9	9	
4	CIL6041	Pháp luật về quyền nhân thân *Law of extra-patrimonial rights*	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
5	CIL6042	Luật hợp đồng so sánh *Comparative contract law*	2	18	6	6	
6	CIL6043	Pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng *Law of Industrial property rights and plants variety rights*	2	18	6	6	
7	CIL6044	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự *Evidence and proof in civil procedure*	2	18	6	6	
8	CIL6045	Lí thuyết chung về luật nghĩa vụ *General theory of obligation law*	3	27	9	9	
II.2	***Các học phần tự chọn*** *Optional Subjects*		***20/39***				
9	CIL6046	Lí thuyết về nguồn của luật dân sự *Theory of civil law sources*	3	27	9	9	
10	CIL6047	Pháp luật về quyền tác giả *Law of Copyright*	2	18	6	6	
11	CIL6048	Luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. *Law of non-contractual damages liability*	3	27	9	9	
12	CIL6049	Chế độ tài sản của vợ chồng *Matrimonial property regime*	2	18	6	6	
13	CIL6050	Luật thi hành án dân sự *Law of civil judgment enforcement*	2	18	6	6	
14	CIL6051	Ly hôn và hậu quả pháp lí của ly hôn *Divorce and its legal consequences*	2	18	6	6	
15	CIL6052	Áp dụng bộ luật dân sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại và lao động *Application of the Civil Code to business, commercial and labor dispute resolution*	3	27	9	9	
16	CIL6053	Luật thừa kế *Inheritance law*	2	18	6	6	
17	CIL6054	Pháp nhân *Legal persons*	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
18	CIL6055	Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ *Intellectual property dispute resolution*	2	18	6	6	
19	CIL6056	Pháp luật về đại diện *Agency law*	2	18	6	6	
20	CIL6057	Luật về hợp đồng vận chuyển *Law of transportation contracts*	2	18	6	6	
21	CIL6058	Hợp đồng thuê *Law of leasing*	2	18	6	6	
22	CIL6059	Hợp đồng lập hội *Contracts to form associations*	2	18	6	6	
23	CIL6060	Tố tụng dân sự so sánh *Comparative civil procedure*	2	18	6	6	
24	CIL6061	Luật hôn nhân gia đình so sánh. *Comparative marriage and family law*	2	18	6	6	
25	CIL6062	Pháp luật về hợp đồng cộng đồng *Law of collective contracts*	2	18	6	6	
26	CIL6063	Luật La Mã chuyên sâu *Advanced Roman Law*	2	18	6	6	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I	**Các học phần tiến sĩ**		**10**				
I.1	***Các học phần bắt buộc*** *Compulsory Subjects*		***8***				
27	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật *Legal research and teaching methods*	2	18	6	6	
28	CIL8015	Luật tài sản so sánh *Comparative property law*	3	27	9	9	
29	CIL8016	Nhất thể hóa pháp luật hợp đồng *Contract law harmonisation*	3	27	9	9	
I.2	***Các học phần tự chọn*** *Optional Subjects*		***2/6***				
30	CIL8017	Khuynh hướng phát triển của luật tố tụng dân sự hiện đại *Developmental trends of modern civil procedure law*	2	18	6	6	
31	CIL8018	Pháp điển hóa luật dân sự *Civl law codification*	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
32	CIL8019	Luật sở hữu trí tuệ so sánh *Comparative intellectual property law*	2	18	6	6	
II	**Chuyên đề tiến sĩ**		**6**				
33	CIL8020	Chuyên đề 1 *The thesis 1*	2	0	0	30	
34	CIL8021	Chuyên đề 2 *The thesis 2*	2	0	0	30	
35	CIL8022	Chuyên đề 3 *The thesis 3*	2	0	0	30	
III	**Tiểu luận tổng quan**		**2**				
36	CIL8023	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
37		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
38		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
39	CIL9001	Luận án tiến sĩ	75				
Tổng cộng			**133**				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I.1	***Các học phần bắt buộc*** *Compulsory Subjects*		*8*				
1	CIL6047	Pháp luật về quyền tác giả *Law of Copyright*	2	18	6	6	
2	CIL6048	Luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng *Law of tort*	2	18	6	6	
3	CIL6049	Chế độ tài sản của vợ chồng *Matrimonial property regime*	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
4	CIL6050	Luật thi hành án dân sự *Law of civil judgment enforcement*	2	18	6	6	
I.2	***Các học phần tự chọn*** *Optional Subjects*		***2/22***				
5	CIL6057	Luật về hợp đồng vận chuyển *Law of transportation contracts*	2	18	6	6	
6	CIL6062	Pháp luật về hợp đồng cộng đồng *Law of collective contracts*	2	24	0	6	
7	CIL6053	Luật thừa kế *Inheritance law*	2	24	0	6	
8	CIL6054	Pháp nhân *Legal persons*	2	24	0	6	
9	CIL6052	Áp dụng bộ luật dân sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại và lao động *Application of the civil code to business, commercial and labour dispute resolution*	2	24	0	6	
10	CIL6055	Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ *Intellectual property dispute resolution*	2	24	0	6	
11	CIL6056	Pháp luật về đại diện *Agency law*	2	24	0	6	
12	CIL6061	Luật hôn nhân gia đình so sánh *Comparative marriage and family law*	2	24	0	6	
13	CIL6063	Luật La Mã chuyên sâu *Advanced Roman law*	2	24	0	6	
14	CIL6059	Hợp đồng lập hội *Contract to form associations*	2	24	0	6	
15	CIL6058	Hợp đồng thuê *Law of leasing*	2	24	0	6	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I	**Các học phần tiến sĩ**		**10**				
I.1	***Các học phần bắt buộc*** *Compulsory Subjects*		***8***				
16	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật *Legal research and teaching methods*	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
17	CIL 8015	Luật tài sản so sánh *Comparative property law*	3	27	9	9	
18	CIL 8016	Nhất thể hóa pháp luật hợp đồng *Contract law harmonisation*	3	27	9	9	
I.2	***Các học phần tự chọn*** *Optional Subjects*		***2/6***				
19	CIL8017	Khuynh hướng phát triển của luật tố tụng dân sự hiện đại *Developmental trends of modern civil procedure law*	2	18	6	6	
20	CIL8018	Pháp điển hóa luật dân sự *Civl law codification*	2	18	6	6	
21	CIL8019	Luật sở hữu trí tuệ so sánh *Comparative intellectual property law*	2	18	6	6	
II	**Chuyên đề tiến sĩ**		**6**				
22	CIL8020	Chuyên đề 1 *The thesis 1*	2	0	0	30	
23	CIL8021	Chuyên đề 2 *The thesis 2*	2	0	0	30	
24	CIL8022	Chuyên đề 3 *The thesis 3*	2	0	0	30	
III	**Tiểu luận tổng quan**		**2**				
25	CIL8023	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
26		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
27		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
28	CIL9001	Luận án tiến sĩ	75				
Tổng cộng			**103**				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I	**Các học phần tiến sĩ**		**10**				
I.1	***Các học phần bắt buộc*** *Compulsory Subjects*		***8***				
1	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật *Legal research and teaching methods*	2	18	6	6	
2	CIL 8015	Luật tài sản so sánh *Comparative property law*	3	27	9	9	
3	CIL 8016	Nhất thể hóa pháp luật hợp đồng *Contract law harmonisation*	3	27	9	9	
I.2	***Các học phần tự chọn*** *Optional Subjects*		***2/6***				
4	CIL8017	Khuynh hướng phát triển của luật tố tụng dân sự hiện đại *Developmental trends of modern civil procedure law*	2	18	6	6	
5	CIL8018	Pháp điển hóa luật dân sự *Civl law codification*	2	18	6	6	
6	CIL8019	Luật sở hữu trí tuệ so sánh *Comparative intellectual property law*	2	18	6	6	
II	**Chuyên đề tiến sĩ**		**6**				
7	CIL8020	Chuyên đề 1 *The thesis 1*	2	0	0	30	
8	CIL8021	Chuyên đề 2 *The thesis 2*	2	0	0	30	
9	CIL8022	Chuyên đề 3 *The thesis 3*	2	0	0	30	
III	**Tiểu luận tổng quan**		**2**				
10	CIL8023	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
11		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					

STT	Mã học phần	Tên học phần *(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)*	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
12		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
13	CIL9001	Luận án tiến sĩ	75				
Tổng cộng			**93**				